BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG *(General information):*

- Tên học phần (*tiếng Việt*)	**: Kinh tế vi mô**
- Tên học phần (*tiếng Anh*)	**: Microeconomics**
- Mã học phần	**: LA1005**
- Trình độ	**: Đại học**
- Loại học phần	□ **Bắt buộc** □ **Tự chọn**
- Thuộc thành phần	□ Kiến thức giáo dục đại cương □ Kiến thức cơ sở khối ngành □ Kiến thức cơ sở ngành □ Kiến thức ngành / chuyên ngành □ Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách	: Luật
- Số tín chỉ *(Lý thuyết, thực hành, Tự học)*	: 2 (2 , 0 , 4)
- Phân bổ thời gian	- Lên lớp (lý thuyết): 30 giờ - Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận:0 giờ - Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Học phần tiên quyết	: Không
- Học phần học trước	: Không
- Học phần song hành	: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description):

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần)

Học phần nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Học phần cung cấp các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, sử dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích các hiện tượng kinh tế, hiểu các vấn đề kinh tế mà xã hội đang phải đối mặt, cách thức thị trường hoạt động và các ứng dụng của nó, phân tích tính hiệu quả của thị trường, hiểu

cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau và ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tiễn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

(*Xác định các mục tiêu chung của học phần, gồm các mục tiêu về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm*)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	**Mục tiêu học phần**
Kiến thức	
O1	Hiểu cơ bản về quy luật kinh tế và kinh tế học vi mô về giá cả và quy luật cung cầu hàng hóa dịch vụ, và cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường.
O2	Có kiến thức về đánh giá hoạt động kinh doanh của tổ chức như hữu dụng, chi phí, lợi nhuận, hòa vốn, và các mô hình kinh tế thị trường
Kỹ năng	
O3	Phân tích và đánh giá các mô hình ra quyết định của các chủ thể trong nền kinh tế trong các loại thị trường và sự tương tác giữa các chủ thể này trong sự vận động của kinh tế qua quy luật cầu và cung thị trường.
O4	Sinh viên nắm và phân tích được các quy luật về kinh tế và kinh tế vi mô về giá cả và cung cầu của thị trường. Mối quan hệ của các loại thị trường và sự tương tác giữa các chủ thể này trong sự vận động quy luật kinh tế thị trường, và ứng dụng để đề xuất chính sách kinh doanh phù hợp của tổ chức trong môi trường thay đổi nhanh.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O5	Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN *(Course learning outcomes - CLOs)*

(*Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm*)

Ox	**CLOx**	**PLOx**
Kiến thức		
O1, O2	CLO1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô về giá cả và quy luật cung – cầu của thị trường. CLO2: Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức.	PLO3
Kỹ năng		
O3, O4	CLO3: Phân tích và đánh giá các loại thị trường và sự tương tác giữa các chủ thể này trong sự vận động của kinh tế qua quy luật cầu và cung thị trường.	PLO4

	CLO4: Biết và phân tích được quan kinh tế của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, đề xuất chính sách kinh doanh phù hợp của tổ chức trong môi trường thay đổi nhanh.	
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O5	CLO5: Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học.	PLO11

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

(có thể theo bài giảng hoặc theo chương nhưng bài giảng tốt hơn)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung *(Tên bài giảng)*	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	**Chương 1: Tổng quan về kinh tế vi mô** 1. Kinh tế học 1.1. Khái niệm về kinh tế học 1.2. Quy luật khan hiếm 1.3. Kinh tế học vi mô và vĩ mô 1.4. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc 2. Những vấn đề kinh tế 2.1. Ba vấn đề kinh tế cơ bản 2.2. Hệ thống kinh tế 2.3. Các mô hình của nền kinh tế 3. Một số nguyên tắc ra quyết định 3.1. Chi phí cơ hội 3.2. Đường giới hạn khả năng lực sản xuất 3.3. Ảnh hưởng của hiệu quả kinh tế và mô hình kinh tế Thảo luận	4				4
Bài 2	**Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường** 1. Thị trường 1.1. Khái niệm 1.2. Phân loại thị trường 2. Cầu thị trường 2.1. Khái niệm cầu và lượng cầu	**10**		**25**		35

		Số giờ				
Số TT	**Nội dung** 2.2. Biểu cầu, hàm cầu và đường cầu *(Tên bài giảng)* 2.3. Quy luật cầu 2.4. Sự thay đổi của đường cầu 3. Cung thị trường 3.1. Khái niệm cung và lượng cung 3.2. Biểu cung, hàm cung và đường cung 3.3. Quy luật cung 3.4. Sự thay đổi của đường cung 4. Thị trường cân bằng 5. Sự thay đổi giá và sản lượng cân bằng 6. Sự co giãn của cung và cầu 6.1. Hệ số co giãn của cầu 6.2. Hệ số co giãn của cung 7. Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường 7.1. Can thiệp trực tiếp của chính phủ 7.2. Sự can thiệp gián tiếp của chính phủ Bài tập ứng dụng					**TỔNG**
Bài 3	**Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng** 1. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng lý thuyết hữu dụng 1.1. Hữu dụng 1.2. Tổng hữu dụng 1.3. Hữu dụng biên 1.4. Quy luật hữu dụng biên giảm dần 1.5. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng 2. Cân bằng tiêu dùng 2.1. Ba giả thuyết về sở thích của người tiêu dùng 2.2. Đường đẳng ích 2.3. Đường ngân sách	**6**		**15**		21

		Số giờ				
Số TT	**Nội dung** 3. Sự hình thành đường cầu thị trường *(Tên bài giảng)* 3.1. Đường cầu thị trường 3.2. Đường Angel 3.3. Thặng dư tiêu dùng Bài tập ứng dụng					**TỔNG**
Bài 4	**Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí** 1. Lý thuyết sản xuất 1.1. Hàm sản xuất 1.2. Sản xuất trong ngắn hạn 2. Nguyên tắc sản xuất 2.1. Đường đẳng phí 2.2. Đường đẳng lượng 2.3. Phối hợp sản xuất tối ưu 2.4. Năng suất (hiệu suất) theo quy mô 2. Lý thuyết về chi phí sản xuất 2.1. Khái niệm 2.2. Chi phí sản xuất trong ngắn hạn 2.3. Chi phí sản xuất trong dài hạn Bài tập ứng dụng	**5**		**15**		20
Bài 5	**Chương 5: Thị trường cạnh tranh và độc quyền** 1. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn 1.1. Đặc điểm thị trường 1.2 Đặc điểm của doanh nghiệp 1.3. Phân tích trong ngắn hạn 1.4. Phân tích trong dài hạn 2. Thị trường độc quyền hoàn toàn 2.1. Đặc điểm thị trường 2.2. Đặc điểm doamh nghiệp 2.3. Phân tích trong ngắn hạn 2.4. Phân tích trong dài hạn 2.5. Chiến lượt phân biệt giá 2.6. Các biện pháp quản lý và điều tiết 3. Thị trường cạnh tranh độc quyền 3.1. Đặc điểm thị trường	**5**		**15**		20

Số TT	Nội dung *(Tên bài giảng)*	Số giờ				TỔNG
	3.2. Đường cầu và đường doanh thu biên của doanh nghiệp 3.3. Cân bằng thị trường 4. Thị trường độc quyền nhóm 4.1. Đặc điểm thị trường 4.2. Doanh nghiệp trong trường hợp có hợp tác 4.3. Doanh nghiệp trong trường hợp không hợp tác Bài tập ứng dụng					
TỔNG		**30**		**70**		100

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Số TT	Nội dung *(Tên bài giảng)*	Số giờ				TỔNG
		…	…	…	…	
Bài 1						
Bài 2						
Bài 3						
TỔNG						

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC *(Teaching – Learning methods):*

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: Trình chiếu slide bài giảng, Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, học theo tình huống, hướng dẫn giải bài tập.

- Thực hành:

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết:

- Dự lớp: theo qui định chung của trường,

- Sinh viên đọc trước slide bài giảng của học phần và những tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước mỗi buổi học

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn trên lớp, và các bài kiểm tra tại lớp: các điểm này sẽ được đánh giá vào cột điểm quá trình của sinh viên.

- Thực hành:

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO *(Learning materials)*

7.1. Tài liệu dạy học: *chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt*

[1] Nguyễn Như Ý và Trần Thị Bích Dung (2014), *Kinh tế học vi mô*, NXB. Kinh Tế TP.HCM.

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo: *từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)*

[1] Mankiw N.G. (2009), *Microeconomics*, 5Th, South-Western Cengage Learning, New York, USA.

[2] Sowell T (2022), Basic Economics: Kinh tế học cơ bản, Người dịch: Trương Minh Huy - Thái Phạm, NXB. Thế giới.

[3] PGS.TS. Vũ Kim Dũng và PGS.TS. Nguyễn Văn Công (2012), Kinh tế học, NXB. Đại Học Kinh Tế Quốc Dân

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

1) Máy chiếu, Laptop,
2) Phần mềm Microsoft Office,
3) Bông lau, bút viết bảng.

8. **PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ *(Testing and assessment methods)***

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	**Thang điểm 10**	**Điểm chữ**	**Quy đổi thang điểm 4**
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá "Đạt" và không tính điểm trung bình học tập)	*Từ 5,0 trở lên*	*P*	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Tỷ lệ %**
Hoàn thành bài tập theo nhóm	*Chấm bài tập*	*Rubic 1*	*100%*

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	*Chuyên cần*	*Điểm danh, ý thức học tập*	*Rubic 1*	*10%*
	Kiểm tra thường xuyên	*Trắc nghiệm*	*Rubic 2*	*30%*
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	*Thi*	*Tiểu luận / Tự luận*	*Rubic 3*	*60%*

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. **MA TRẬN *(Matrix)*:**

❖ **Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương chương trình đào tạo: *(nên có ma trận này)***

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**														
	(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**	**(9)**	**(10)**	**(11)**	**(12)**	**(13)**	**(14)**	**(15)**
CLO1	P	S	H	S	P	P	S	P	P	P	S	S	S	S	S
CLO2	P	S	H	S	P	P	S	P	P	P	S	S	S	S	S
CLO3	P	S	S	H	P	P	S	P	P	P	S	S	S	S	S
CLO4	P	S	S	H	P	P	S	P	P	P	S	S	S	S	S
CLO5	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	H	S	S	S	S

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra — Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra — Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra — Highly supported

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần**

PP dạy -học	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**								
	(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**	**(9)**
Thuyết trình	P	P	S	H	H	S			
Thảo luận nhóm	H	H	H	H	H	H			
Hỏi – trả lời	P	P	S	H	H	S			
Báo cáo chuyên đề									

PP dạy -học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Bài tập									
….									

❖ **Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần**

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Lý thuyết	P	P	S	H	H	S			
Điểm chuyên cần	H	H	H	H	H	H			
Điểm kiểm tra MCQ	P	P	S	H	H	S			
Điểm thi kết thúc MCQ									
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án …									
Thi kết thúc									

❖ **Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần**

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học**

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ *(Scoring guide/Rubric)*:

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Kiểm tra trên lớp	**MỨC A (8.5-10)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC C (5.6-6.9)**	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC F (0-3.9)**
Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài tập tại lớp (kiểm tra khả năng tự học của sinh viên)	*Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 4 - 5 lần*	*Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 3 lần*	*Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 2 lần*	*Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 1 lần*	*Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 0 lần*
Điểm danh đi học đầy đủ	*Đi học đầy đủ 100% các buổi điểm danh*	*Đi học <85% các buổi điểm danh*	*Đi học 75 % các buổi điểm danh*	*Đi học <50% các buổi điểm danh*	*Đi học < 25%*

Rubic 2: Đánh giá quá trình

Bài kiểm tra 30 phút	***Giỏi (8-10đ)***	***Khá(6-7đ)***	***TB(5đ)***	***Yếu(3-4đ)***	***Kém(0-3đ)***

Bài kiểm tra số 1 về về hiểu về kiến thức	*Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%*	*Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%*	*Hiểu và thực hiện đúng 50 đến< 750%*	*Hiểu và thực hiện đúng 30 đến <50%*	*Hiểu và thực hiện đúng dưới <30%*
Bài kiểm tra số 2 về vận dụng kiến thức	*Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%*	*Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%*	*Hiểu và thực hiện đúng 50 đến< 750%*	*Hiểu và thực hiện đúng 30 đến <50%*	*Hiểu và thực hiện đúng dưới <30%*

Rubic 3: ĐáThi kết thúc học phần

Bài kiểm tra 90 phút	***Giỏi (8-10đ)***	***Khá(6-7đ)***	***TB(5đ)***	***Yếu(3-4đ)***	***Kém(0-3đ)***
Bài kiểm tra cuối kỳ về toàn bộ nội dung đã học	*Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%*	*Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%*	*Hiểu và thực hiện đúng 50 đến< 750%*	*Hiểu và thực hiện đúng 30 đến <50%*	*Hiểu và thực hiện đúng dưới <30%*

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG *(Student support)*

- *Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.*
- *Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ longnd@hiu.vn hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ 4 hàng tuần tại Văn phòng khoa KT-QT.*

Tp.HCM, ngày 12 tháng 6 năm 2022